**Tên:** ……...

**Lớp:** S5…

**Ngày giao bài:** Thứ …, ngày …./….

**Ngày nộp bài:** Thứ …, ngày …./….

**Ngữ pháp HW:** ……

**Đọc HW:** ……

# GE5 - Unit 7: Ancient Rome and Egypt - Grammar 2 & Writing

## A. THEORY

### I. GRAMMAR

❖ **Prepositions of time, location and position** *(Giới từ chỉ thời gian, địa điểm và vị trí)*

**1. Prepositions of Time**

**- Cách dùng:** để nói **KHI NÀO** một việc xảy ra.

**IN (chung chung)**

**tháng / năm / mùa:** in September, in 1980, in winter
**các buổi trong ngày**: in the afternoon
**khoảng thời gian**: in a few minutes, in the future

**ON (cụ thể hơn)**

**thứ trong tuần**: on Monday
**ngày và tháng**: on March 2nd
**ngày lễ (kèm ngày cụ thể)**: on Christmas Day, on New Year's Day

**AT (cụ thể nhất)**

**thời điểm cụ thể**: at 5 p.m., at night
**cụm từ chỉ thời gian**: at the moment, at the same time
**ngày lễ (không kèm ngày cụ thể)**: at Christmas, at Easter

**2. Prepositions of Location**

**- Cách dùng:** để nói **Ở ĐÂU** (địa điểm chung, không nhấn mạnh vị trí chi tiết).

**IN (chung chung)**

**vị trí bên trong một không gian**: in the kitchen
**thị trấn, thành phố, quốc gia**: in Korea
**phương tiện đi lại bằng xe hơi và taxi**: in a car
**phương hướng**: in the West

**ON (cụ thể hơn)**

**vị trí bên trên một bề mặt**: on the table, on the street
**tầng nhà**: on the 15th floor
**phương tiện đi lại cá nhân hoặc công cộng**: on the bus, on the motorbike
**cụm từ chỉ vị trí**: on the left

**AT (cụ thể nhất)**

**vị trí xác định tại một điểm**: at home
**địa chỉ nhà**: at 89 Orchard Rd, at my house
**nơi làm việc, học tập**: at work, at school



LIVEWORKSHEETS

### 3. Prepositions of Position

**- Cách dùng:** để nói **VỊ TRÍ CHÍNH XÁC** của người/vật so với vật khác.

| in - bên trong | on - bên trên | at - tại |
|---|---|---|
| The cat is in the box. | The book is on the table. | She is at the door. |
| The children are in the room. | The picture is on the wall. | He is at the bus stop. |

❖ **Adverbs of degree** *(Trạng từ chỉ mức độ)*

**- Cách dùng**: để **diễn tả mức độ** (nhiều hay ít, mạnh hay yếu) của **một tính từ hoặc trạng từ**. Chúng thường **đứng trước tính từ hoặc trạng từ** mà chúng bổ nghĩa.

| fairly - tương đối | quite - khá | very - rất | extremely - cực kỳ |
|---|---|---|---|
| The test is **fairly** easy. | The room is **quite** big. | She is **very** happy. | It is **extremely** hot. |

## II. EXTRA VOCABULARY

❖ **CLASSWORK**

| No. | Word | Meaning | No. | Word | Meaning |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | **state** (v) | nêu ra, trình bày | 2 | **whether** (conj) | liệu (rằng) |

❖ **HOMEWORK**

| No. | Word | Meaning | No. | Word | Meaning |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | **backstroke** (n) | bơi ngửa | 3 | **major** (adj) | quan trọng, lớn |
| 2 | **world-class** (adj) | đẳng cấp thế giới | 4 | **scoreboard** (n) | bảng điểm |

**Note:* n = noun: danh từ; v = verb: động từ; adj = adjective: tính từ; conj = conjunction: liên từ.*

**Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 DÒNG** vào vở ghi (áp dụng cho phần Extra vocabulary).*

## B. CLASSWORK

**A Famous Building in the World**

**Checklist:**

- Use **Present Simple** to introduce the building and state general facts.
- Use **Past Simple** to talk about when it was built and who built it.
- Clearly answer **all guiding questions**: what it is, where it is, when it was built, who built it, what it was built for, and whether people still visit or admire it today.
- Write **4–6 sentences** with correct grammar & spelling.

| Building | Location | Built (When) | Built by (Who) | Built for (Purpose) |
|---|---|---|---|---|
| Ho Chi Minh Mausoleum | Hanoi, Vietnam | 1975 | Vietnamese people | honoring a leader |
| Big Ben | London, England | 1859 | British engineers | telling time |
| Great Wall | northern China | over many years | Chinese people | protection |
| Eiffel Tower | Paris, France | 1889 | Gustave Eiffel | exhibitions |



LIVEWORKSHEETS

## C. HOMEWORK

### GRAMMAR (15 questions)

**I. Read the sentences and circle the correct answers.**

*0. They arrived at .....*

*(A.) 6 o'clock* *B. the morning* *C. Tuesday*

1. Ronny was born on .....

A. August B. the summer C. 24th November

2. In England, winter starts in .....

A. 1st December B. December C. New Year's Day

3. Carla agreed to help us on .....

A. the evening B. Wednesday C. next week

4. He got married in .....

A. my birthday B. 3 o'clock C. 2020

5. The cup is .....the desk.

A. on B. for C. to

**II. Write the correct letters in the blanks to complete the sentences.**

| | |
|---|---|
| A. The room is very clean | D. The movie is quite interesting |
| ~~*B. The test is fairly easy*~~ | E. He runs very fast |
| C. She is extremely happy | F. The weather is extremely cold |

*0. B, so most students can do it well.*

1. ....., so I want to watch it again.

2. ....., so we do not need to clean it again.

3. ....., so he wins the race.

4. ..... because she passed the exam.

5. ....., so we should wear warm clothes.

**III. If the word underlined in each sentence is CORRECT, put a tick (✓). If it is WRONG, write the correct PREPOSITION.**

*0. We first visited China on 2006.* ➔ *in*

1. The boy is in the room. ➔ .....

2. Let's meet on 5 o'clock, shall we? ➔ .....

3. I am at school. ➔ .....

4. There's a party at Emily's house at Saturday. ➔ .....

5. What do you want to do on the morning? ➔ .....



LIVEWORKSHEETS

**CAMBRIDGE READING PRACTICE (7 questions)**

## KET PART 2

For each question, choose the correct answer.

**Three teenage sports superstars**

**Gaurika Singh, swimmer**

Gaurika is from Nepal, and she was the only under-14-year-old to take part in the 2016 Olympics in Rio de Janeiro. She swam the 100 metres backstroke for Nepal. Home for Gaurika these days is in the UK, and she trains at the Copthall Swimming Club, where the coaches have trained other world-class swimmers. Her father, Paras Singh, travels with her around the world when she goes to a competition.

**Tracy Austin, tennis player**

When Tracy Austin was given a car as a prize in a tennis competition in Stuttgart, Germany, she was 15 and still too young to drive, but she was already a professional tennis player. Then, at the age of 17, the American became the youngest ever sports person to earn a million dollars. Before long, she was the world's number one player. These days, she often appears on TV, talking about tennis matches at major competitions.

**Nadia Comăneci, gymnast**

When Romanian gymnast Nadia took part in the Olympic Games in Montreal, Canada, in 1976, she immediately became one of the most famous sports people in the world. She got perfect scores of 10.0 in seven different events. Everyone thought that nobody could do this and, in fact, 9.9 was the highest number that the score board could show. She did so well that she helped large numbers of people become interested in gymnastics.

| | Gaurika Singh | Tracy Austin | Nadia Comăneci |
|---|---|---|---|
| 1. Which sports person now works as a journalist? | A | B | C |
| 2. Which sports person made her sport more popular? | A | B | C |
| 3. Which sports person won something that she couldn't use? | A | B | C |
| 4. Which sports person became rich when she was young? | A | B | C |
| 5. Which sports person was the youngest person in a competition? | A | B | C |
| 6. Which sports person did something that people believed was not possible? | A | B | C |
| 7. Which sports person was born in one country and now lives in another? | A | B | C |


LIVEWORKSHEETS